**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ I – TIN 11**

**Bài 1. Hệ Điều Hành**

Câu 1: Đâu là chức năng của hệ điều hành các máy tính nói chung?

1. Tổ chức thực hiện các chương trình, điều phối tài nguyên cho các tiến trình xử lý trên máy tính
2. Cung cấp môi trường giao tiếp với người sử dụng
3. Cung cấp một số tiện ích giúp nâng cao hiệu quả sử dụng máy tính
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2: Hệ điều hành quản lý thiết bị nào?

1. CPU
2. Bộ nhớ hay thiết bị ngoại vi
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 3: Hệ điều hành quản lý việc lưu trữ dữ liệu nào?

1. CPU
2. Bộ nhớ hay thiết bị ngoại vi
3. Quản lý tệp và quản lý thư mục
4. Đáp án khác

Câu 4: Hệ điều hành cung cấp tiện ích nào để nâng cao hiệu quả sử dụng máy tính?

1. Định dạng đĩa
2. Nén tệp
3. Kiểm tra lỗi đĩa
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 5: Hệ điều hành là?

1. Phần mềm để chạy các ứng dụng
2. Thiết bị trung gian để chạy các ứng dụng
3. Môi trường để chạy các ứng dụng
4. Đáp án khác

Câu 6: Theo em, nhóm chức năng nào thể hiện rõ nhất đặc thù của hệ điều hành máy tính cá nhân?

1. Cung cấp môi trường giao tiếp với người sử dụng
2. Cung cấp một số tiện ích giúp nâng cao hiệu quả sử dụng máy tính
3. Tổ chức thực hiện các chương trình điều phối tải nguyên cho các tiến trình xử lí trên máy tính. Nói cách khác, hệ điều hảnh là môi trường đề chạy các ứng dụn
4. Quản lý thiết bị

Câu 7: Máy tính cá nhân có điểm gì khác với các siêu máy tính, các máy chủ?

1. Sự thân thiện
2. Dễ sử dụng
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Đáp án khác

Câu 8: Sự thân thiện và dễ sử dụng của máy tính cá nhân được thể hiện ở?

1. Giao diện đồ họa
2. Cơ chế plug & play để tự động nhận biết thiết bị ngoại vi khi khởi động máy tính
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 9: Cơ chế lug & play có thể hiểu là?

1. Cắn và chạy
2. Cắm vào là chạy
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 10: Bước phát triển quan trọng của hệ điều hành máy tính cá nhân là?

1. Cơ chế plug & play
2. Giao diện dễ sử dụng
3. Có hệ điều hành
4. Đáp án khác

Câu 11: Thời kì đầu thiết bị ngoại vi gây phiền phức cho người sử dụng vì?

1. Mỗi thiết bị ngoại vi của một hãng đòi hỏi phải có một phần mềm điều khiển riêng
2. Việc cài đặt khó khăn với người ít hiểu biết về tính năng và hoạt động của thiết bị ngoại vi
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 12: Cơ chế plug & play có tác dụng?

1. Giúp hệ điều hành nhận biết các thiết bị ngoại vi ngay khi khởi động máy
2. Hỗ trợ cài đặt các chương trình điều khiển một cách tự động
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 13: Giao diện ban đầu của hệ điều hành máy tính cá nhân là

1. Giao diện dòng lệnh
2. Giao diện dòng chữ
3. Giao diện đồ họa
4. Giao diện dòng lệnh đơn

Câu 14: Giao diện đồ họa thể hiện các đối tượng bằng?

1. Số
2. Chữ
3. Hình ảnh
4. Đáp án khác

Câu 15: Đâu là thành phần cơ bản của giao diện đồ họa?

1. Cửa sổ
2. Biểu tượng
3. Chuột
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

**Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet**

Câu 1: Với ngôn ngữ lập trình bậc cao thì chương trình được viết dưới dạng?

1. Văn bản khác với ngôn ngữ tự nhiên
2. Kí tự gần giống với văn bản
3. Văn bản gần với ngôn ngữ tự nhiên
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2: Văn bản gần với ngôn ngữ tự nhiên trong ngôn ngữ lập trình bậc cao được gọi là?

1. Lệnh
2. Mã code
3. Mã nguồn
4. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 3: Để máy tính có thể chạy trực tiếp thì?

1. Chương trình được dịch thành ngôn ngữ lập trình
2. Chương trình được dịch thành mã nguồn
3. Chương trình được dịch thành dãy lệnh máy
4. Đáp án khác

Câu 4: Việc dịch chương trình sang mã máy giúp?

1. Bảo vệ chống đánh cắp ý tưởng
2. Sửa đổi phần mềm
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 5: Vì sao việc dịch sang mã máy giúp chống sửa đối phần mềm và chống đánh cắp ý tưởng?

1. Mã máy dễ đọc
2. Mã máy có tính bảo mật cao
3. Mã máy rất khó đọc
4. Đáp án khác

Câu 6: Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của phần mềm nguồn mở là?

1. Không chia sẻ mã nguồn
2. Cùng nhau tạo ra mã nguồn
3. Chia sẻ mã nguồn để cùng phát triển
4. Đáp án khác

Câu 7: Cách thước chuyển giao phần mềm cho người sử dụng theo chiều hướng?

1. Ngăn dần
2. Đóng dần
3. Bí mật dần
4. Mở dần

Câu 8: Phần mềm thương mại là?

1. Phần mềm để bán
2. Loại nguồn đóng
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 9: Đáp án nào dưới đây là phần mềm thương mại?

1. Inkscape
2. GIMP
3. Microsoft Word
4. Môi trường lập trình cho ngôn ngữ Python

Câu 10: Phần mềm tự do có đặc điểm?

1. Là phần mềm miễn phí
2. Được tự do sử dụng mà không cần xin phép
3. Có thể ở dạng mã máy hoặc mã nguồn
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 11: Phần mềm nguồn mở là?

1. Phần mềm được cung cấp cả mã nguồn để người dùng có thể tự sửa đổi, cải tiến, phát triển, phân phối lại theo một quy định
2. Phần mềm nguồn mở là tự do
3. Phần mềm nguồn mở không được bảo hành
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 12: Đâu là phần mềm nguồn mở?

1. Inkscape
2. GIMP
3. Môi trường lập trình cho ngôn ngữ Python
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 13: Phần mềm thương mại thường được dùng để?

1. Bán
2. Trao đổi
3. Tạo ra các chương trình mới lạ
4. Đáp án khác

Câu 14: Hầu hết, phần mềm thương mại được bán ở dạng?

1. Mã nguồn
2. Mã máy
3. Mã code
4. Đáp án khác

Câu 15: Giấy phép công cộng GNU GPL là?

1. Giấy phép điển hình với phần nguồn mở
2. Giấy phép điển hình với phần nguồn đóng
3. Giấy phép điển hình với phần nguồn mở và đóng
4. Đáp án khác

**Bài 4. Bên trong máy tính**

Câu 1: Bộ cấu trúc chung của máy tính gồm?

A. Bộ xử lý trung tâm

B. Bộ nhớ trong, ngoài

C. Các thiết bị vào ra

###### D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2: Đâu là các thiết bị bên ngoài máy tính?

A. Màn hính

B. Bàn phím

C. Chuột

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 3: Bộ xử lý trung tâm là

A. Thành phần quan trọng nhất của máy tính

B. Thực hiện các chương trình máy tính

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 4: CPU được cấu tạo từ?

A. Bộ số học và lôgic

B. Bộ điều khiển

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 5: Bộ phận nào thực hiện tất cả các phép tính số học và logic trong máy tính?

A. Bộ điều khiển

B. Bộ nhớ trong

C. Bộ số học và logic

D. Bộ nhớ ROM

Câu 6: Bộ phận nào phối hợp đồng bộ các thiết bị của máy tính, đảm bảo máy tính thực hiện đúng chương trình?

A. Bộ điều khiển

B. Bộ số học và logic

C. Bộ điều khiển

D. Bộ nhớ ROM

Câu 7: Đồng hồ xung được dùng để?

A. Phối hợp đồng bộ các thiết bị của máy tính, đảm bảo máy tính thực hiện đúng chương trình

B. Thực hiện tất cả các phép tính số học và logic trong máy tính

C. Tạo ra các xung điện áp gửi đến mọi thành phần của máy để đồng bộ các hoạt động

D. Đáp án khác

Câu 8: Tần số đồng hồ xung là?

A. Hz

B. kHz

C. GHz

D. Đáp án khác

Câu 9: Tần số đồng hồ xung được dùng để?

A. Tạo ra các xung điện áp

B. Đánh giá tốc độ của CPU

C. Phối hợp đồng bộ các thiết bị của máy tính, đảm bảo máy tính thực hiện đúng chương trình

D. Thực hiện tất cả các phép tính số học và logic trong máy tính

Câu 10: Thanh ghi là?

A. Vùng nhớ đặc biệt dùng để lưu trữ tạm thời các lệnh và dữ liệu đang được xử lý

B. Vùng nhớ đặc biệt dùng để lưu trữ các lệnh và dữ liệu đang được xử lý

C. Vùng xử lý dữ liệu

D. Đáp án khác

Câu 11: RAM là?

A. Bộ nhớ có thể ghi được

B. Dùng để ghi dữ liệu tạm thời trong khi chạy các chương trình

C. Không dữ được lâu dài các dữ liệt tạm thời

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 12: ROM là?

A. Bộ nhớ được ghi bằng phương tiện chuyên dùng

B. Các chương trình ứng dụng chỉ có thể đọc mà không thể ghi hay xóa

C. Không cần nguồn nuôi

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 13: Bộ nhớ ngoài có thể đặt ở đâu?

A. Bên ngoài thân máy

B. Bên trong thân máy

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 14: Đâu là bộ nhớ ngoài?

A. Đĩa từ

B. Đĩa thể rắn

C. Đĩa quang

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 15: Bộ nhớ ngoài dùng để?

A. Lưu trữ dữ liệu lâu dài

B. Không cần nguồn nuôi

C. Có dung lượng lớn

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

**Bài 5. Kết nối máy tính với các thiết bị số**

Câu 1: Các thiết bị vào ra là?

1. Nhóm thiết bị chứa dữ liệu tạm thời
2. Nhóm thiết bị chứa các dữ liệu lâu dài
3. Nhóm các thiết bị ngoại vi đa dạng và phong phú nhất của máy tính
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2: Các thiết bị vào cho phép?

1. Chuyển thông tin từ máy tính ra ngoài
2. Nhập dữ liệu vào máy tính
3. Trao đổi thông tin hai chiều
4. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 3: Các thiết bị ra là?

1. Chuyển thông tin từ máy tính ra ngoài
2. Nhập dữ liệu vào máy tính
3. Trao đổi thông tin hai chiều
4. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 4: Đáp án nào dưới đây là thiết bị vào?

1. Bàn phím
2. Chuột
3. Máy đọc mã vạch
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 5: Đâu là thiết bị ra?

1. Màn hình
2. Máy in
3. Máy chiếu
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 6: Đâu vừa là thiết bị vào vừa là thiết bị ra?

1. Máy in
2. Máu quét ảnh
3. USB
4. Máy chiếu

Câu 7: Bàn phím là?

1. Thiết bị ra phổ biến
2. Thiết bị thông dụng nhất để nhập dữ liệu
3. Thiết bị chỉ định đối tượng làm việc trên màn hình
4. Đáp án khác

Câu 8: Chuột là?

1. Thiết bị thông dụng nhất để nhập dữ liệu
2. Thiết bị ra phổ biến
3. Thiết bị chỉ định đối tượng làm việc trên màn hình
4. Đáp án khác

Câu 9: Thông số quan trọng nhất của chuột là?

1. Phương thức kết nối
2. Độ phân giải
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 10: Tốc độ của chuột được thể hiện bằng?

1. Tỉ lệ khoảng cách con trỏ màn hình di chuyển được so với khoảng cách di chuyển của chuột trên mặt bàn
2. Khoảng cách di chuyển được của chuột trên màn hình
3. Tốc độ di chuyển trên giây của chuột trên mặt bàn
4. Đáp án khác

Câu 11: Thiết bị ra phổ biến nhất là?

1. Máy in
2. Loa
3. Màn hình
4. Máy chiếu

Câu 12: Loại màn hình nào sử dụng công nghệ đèn chân không?

1. LCD
2. LED
3. CRT
4. plasma

Câu 13: Độ phân giải màn hình thể hiện bằng?

1. Số điểm ảnh theo chiều ngang và chiều dọc của màn hình
2. Độ dài đường chéo trên màn hình
3. Hình ảnh trên màn hình được tạo liên tục
4. Khoảng thời gian cần thiết để có thể đổi màu một điểm ảnh

Câu 14: Tần số quét là?

1. Số điểm ảnh theo chiều ngang và chiều dọc của màn hình
2. Độ dài đường chéo trên màn hình
3. Hình ảnh trên màn hình được tạo liên tục
4. Khoảng thời gian cần thiết để có thể đổi màu một điểm ảnh

Câu 15: Thời gian phản hồi là?

1. Số điểm ảnh theo chiều ngang và chiều dọc của màn hình
2. Độ dài đường chéo trên màn hình
3. Hình ảnh trên màn hình được tạo liên tục
4. Khoảng thời gian cần thiết để có thể đổi màu một điểm ảnh

Bài 6. Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet

Câu 1: Internet đã khắc phục những rào cản nào của các tài nguyên máy tính?

1. Dung lượng đĩa cứng
2. Dung lượng thiết bị nhớ ngoài
3. Dữ liệu bị hạn chế
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2: Các nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ thông tin, dữ liệu ngày nay là?

1. Google
2. Microsoft
3. Apple
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 3: Khi đăng kí sử dụng dịch vụ lưu trữ thông tin, dữ liêu trực tuyến thì người dùng sẽ được?

1. Cung cấp các dịch vụ xử lý dữ liệu
2. Cung cấp phần mềm chỉnh sửa dữ liệu trực tuyến
3. Cung cấp một không gian nhớ trực tuyến
4. Đáp án khác

Câu 4: Khi sử dụng các dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet người dùng có thể?

1. Tải tệp hay thư mục của mình lên ổ đĩa trực tuyế
2. Tạo mới và quản lý thư mục, tệp trên ổ đĩa trực tuyến
3. Chia sẻ thư mục và tệp
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 5: Khi chia sẻ thông tin trên Internet, chủ sở hữu của thư mục, tệp có thể quyết định chế độ chia sẻ nào dưới đây?

1. Quyền chỉ xem
2. Quyền được nhận xét
3. Quyền chỉnh sửa
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 6: Quyền chỉnh sửa là quyền cho phép?

1. Xem thư mục và tệp
2. Nhận xét thư mục và tệp
3. Thực hiện mọi thao tác với thư mục và tệp
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 7: Vì sao nên lưu trữ thông tin trên internet?

1. Dung lượng bộ nhớ lớn
2. Tính bảo mật cao, có thể tùy chỉnh
3. Dễ dàng tìm kiếm
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 8: Đâu là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ thông tin trực tuyến của Google?

1. One Drive
2. iCloud
3. Dropbox
4. Google Drive

Câu 9: Sau khi chia sẻ thư mục, tệp người dùng có thể?

1. Xóa bỏ tệp đã chia sẽ
2. Hủy bỏ hoặc thay đổi chế độ chia sẻ
3. Làm mới tệp chia sẻ
4. Đáp án khaccs

Câu 10:  Internet giúp khắc phục giới hạn lưu trữ bằng ?

1. Các dịch vụ chia sẻ tệp tin trực tuyến
2. Phân phối bán lẻ bộ nhớ
3. Cho người dùng thuê bộ nhớ
4. Bắt người dùng mua phần mềm thứ 3

Câu 11: Người dùng đăng ký sử dụng dịch vụ và được cấp một không gian lưu trữ trực tuyến gọi là?

1. Cầu kết nối
2. Nhà lưu trữ
3. Đĩa trực tuyến
4. Đáp án khác

Câu 12: Để có không gian lưu trữ trên internet người dùng cần phải có?

1. Tài khoản nơi lưu trữ đó
2. Bộ xuất tài liệu ra ổ cứng
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 13: Tải tệp lên ổ đĩa trực tuyến cho người dùng….?

1. Xóa các tệp và file trong máy tính mình đi
2. Tải các tệp hay thư mục từ máy tính của mình lên ổ đĩa trực tuyến để lưu trữ và sử dụng
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 14: Các không gian lưu trữ trên internet có giới hạn dung lượng hay không?

1. Không, nó là vô hạn
2. Không kết luận được
3. Không, vì không gian thì không có dung lượng
4. Có

Câu 15: Ưu điểm của việc lưu trữ thông tin trực tuyến là?

1. Cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
2. Không cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
3. Bán được thông tin cho nhau để kiếm tiền
4. Thích vào thư mục của ai cũng được

**Bài 9. Giao tiếp an toàn trên Internet**

Câu 1: Đâu là hạn chế của mạng Internet?

1. Ảnh hưởng xấu tới sức khỏe
2. Ảnh hướng xấu đến tinh thần
3. Nhiều rủi rõ
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2: Rủi ro có thể gặp phải khi sử dụng Internet là?

1. Mất thông tin cá nhân
2. Bị lừa đảo, quấy rối
3. Đối mặt với các thông tin sai lệch
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 3: Khi tham gia mạng xã hội thì mọi người cần trang bị?

1. Kĩ năng giao tiếp
2. Kĩ năng đối phó với dư luận và vượt qua khủng hoẳng
3. Kĩ năng nhận biết và phòng tránh lừa đảo
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 4:Đâu là tình huống lừa đảo thường gặp trên mạng xã hội?

1. Nhận được tin nhắn yêu cầu chuyển tiền ngay vào tài khoản \*\*\*\* nếu không muốn gặp những rắc rối liên quan tới bản thân
2. Nhận được tin nhắn trúng thưởng phần quà có giá trị
3. Nhận được thư điện từ từ địa chỉ lạ yêu cầu mở một tài liệu hoặc một đường link đính kèm và thực hiện theo hướng dẫn
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 5: Những kẻ lừa đảo thường hướng tới việc?

1. Hưởng lợi tài chính
2. Gây ảnh hưởng tinh thần
3. Gây ảnh hưởng thể xác người bị hại
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 6: Chúng ta có thể nhận biết và phòng tránh lừa đảo trên nguyên tắc nào sau đây?

1. Hãy chậm lại
2. Kiểm tra ngay
3. Dừng lại, không gửi
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 7: Nguyên tắc Hãy chậm lại là?

1. Thực hiện việc tra cứu số điện thoại, địa chỉ cơ quan hoặc tổ chức mà người gửi thông tin mang danh để liên hệ xác minh trực tiếp
2. Mọi yêu cầu thành toán hoặc gửi tiền ngay lập tức đều cần phải đặt dấu hỏi. Vì vậy nếu cảm thấy giao dịch này không đáng tin hãy dừng lại vì nó có thể là lừa đảo
3. Những kẻ lừa đảo thường tạo ra cảm giác cấp bách để chúng có thể vượt qua khả năng nhận định một cách sáng suốt của nạn nhân
4. Đáp án khác

Câu 8: Nguyên tắc Dừng lại, không gửi là?

1. Thực hiện việc tra cứu số điện thoại, địa chỉ cơ quan hoặc tổ chức mà người gửi thông tin mang danh để liên hệ xác minh trực tiếp
2. Mọi yêu cầu thành toán hoặc gửi tiền ngay lập tức đều cần phải đặt dấu hỏi. Vì vậy nếu cảm thấy giao dịch này không đáng tin hãy dừng lại vì nó có thể là lừa đảo
3. Những kẻ lừa đảo thường tạo ra cảm giác cấp bách để chúng có thể vượt qua khả năng nhận định một cách sáng suốt của nạn nhân
4. Đáp án khác

Câu 9: Nguyên tắc Kiểm tra ngay là?

1. Thực hiện việc tra cứu số điện thoại, địa chỉ cơ quan hoặc tổ chức mà người gửi thông tin mang danh để liên hệ xác minh trực tiếp
2. Mọi yêu cầu thành toán hoặc gửi tiền ngay lập tức đều cần phải đặt dấu hỏi. Vì vậy nếu cảm thấy giao dịch này không đáng tin hãy dừng lại vì nó có thể là lừa đảo
3. Những kẻ lừa đảo thường tạo ra cảm giác cấp bách để chúng có thể vượt qua khả năng nhận định một cách sáng suốt của nạn nhân
4. Đáp án khác

Câu 10: Khi có kẻ lừa đảo hỗ trợ kĩ thuật cố gắng thuyết phục rằng thiết bị của bạn đang gặp sự cố và yêu cầu thanh toán ngay lập tức cho các dịch vụ để khắc phục các sự cố đó mà trên thực tế nó không hề tồn tại. Em có thể thực hiện nguyên tắc hãy chậm lại bằng cách?

1. Tự đặt ra câu hỏi khi thông báo hiện lên có vẻ rất khẩn cấp
2. Cập nhật phần mềm bảo mật và quét virus
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 11: Khi có kẻ lừa đảo hỗ trợ kĩ thuật cố gắng thuyết phục rằng thiết bị của bạn đang gặp sự cố và yêu cầu thanh toán ngay lập tức cho các dịch vụ để khắc phục các sự cố đó mà trên thực tế nó không hề tồn tại. Em có thể thực hiện nguyên tắc kiểm tra ngay bằng cách?

1. Tự đặt ra câu hỏi khi thông báo hiện lên có vẻ rất khẩn cấp
2. Cập nhật phần mềm bảo mật và quét virus
3. Thử tìm kiếm tên công ty hoặc số điện thoại kèm theo những từ khóa như " lừa đảo" hoặc " khiếu nai". Tìm đến một đơn vị có uy tín và tin cậy để nhờ hỗ trợ
4. Các đơn vị hỗ trợ công nghệ hợp pháp sẽ không yêu cầu thanh toán ngay dưới dạng thẻ điện thoại, chuyển khoản....... khi mà dịch vụ chưa được thực hiện

Câu 12: Khi có kẻ lừa đảo hỗ trợ kĩ thuật cố gắng thuyết phục rằng thiết bị của bạn đang gặp sự cố và yêu cầu thanh toán ngay lập tức cho các dịch vụ để khắc phục các sự cố đó mà trên thực tế nó không hề tồn tại. Em có thể thực hiện nguyên tắc Dừng lại, không gửi bằng cách?

1. Tự đặt ra câu hỏi khi thông báo hiện lên có vẻ rất khẩn cấp
2. Cập nhật phần mềm bảo mật và quét virus
3. Thử tìm kiếm tên công ty hoặc số điện thoại kèm theo những từ khóa như " lừa đảo" hoặc " khiếu nai". Tìm đến một đơn vị có uy tín và tin cậy để nhờ hỗ trợ
4. Các đơn vị hỗ trợ công nghệ hợp pháp sẽ không yêu cầu thanh toán ngay dưới dạng thẻ điện thoại, chuyển khoản....... khi mà dịch vụ chưa được thực hiện

Câu 13: Khi có kẻ lừa đảo em trúng thưởng hay nhận phiếu mua hàng giá trị cao nhưng phải thanh toán trước. Em có thể thực hiện nguyên tắc Hãy chậm lại bằng cách?

1. Tìm kiếm lời khuyên từ người hiểu biết( thành viên trong gia đình, hoặc bạn bè) nếu không chắc đây có phải là thông tin đáng tin cậy
2. Tìm hiểu thêm thông tin về giải thưởng hoặc chương trình khuyến mại liên quan trên Internet, nếu không có thì khả năng cao là lừa đảo
3. Không bao giờ trả phí trước để nhận thưởng sau cho dù mức phí đó rất nhỏ so với phần thưởng sắp nhận được
4. Đáp án khác

Câu 14: Khi có kẻ lừa đảo em trúng thưởng hay nhận phiếu mua hàng giá trị cao nhưng phải thanh toán trước. Em có thể thực hiện nguyên tắc Kiểm tra ngay bằng cách?

1. Tìm kiếm lời khuyên từ người hiểu biết( thành viên trong gia đình, hoặc bạn bè) nếu không chắc đây có phải là thông tin đáng tin cậy
2. Tìm hiểu thêm thông tin về giải thưởng hoặc chương trình khuyến mại liên quan trên Internet, nếu không có thì khả năng cao là lừa đảo
3. Không bao giờ trả phí trước để nhận thưởng sau cho dù mức phí đó rất nhỏ so với phần thưởng sắp nhận được
4. Đáp án khác

Câu 15: Khi có kẻ lừa đảo em trúng thưởng hay nhận phiếu mua hàng giá trị cao nhưng phải thanh toán trước. Em có thể thực hiện nguyên tắc Dừng lại, không gửi bằng cách?

1. Tìm kiếm lời khuyên từ người hiểu biết( thành viên trong gia đình, hoặc bạn bè) nếu không chắc đây có phải là thông tin đáng tin cậy
2. Tìm hiểu thêm thông tin về giải thưởng hoặc chương trình khuyến mại liên quan trên Internet, nếu không có thì khả năng cao là lừa đảo
3. Không bao giờ trả phí trước để nhận thưởng sau cho dù mức phí đó rất nhỏ so với phần thưởng sắp nhận được
4. Đáp án khác

**Bài 12. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu và hệ cơ sở dữ liệu**

Câu 1: Theo em, một phần mềm hỗ trợ làm việc với các CSDL cần thực hiện được những yêu cầu nào dưới đây?

1. Cập nhật dữ liệu và tự động kiểm tra tính đúng đắn của dữ liệu
2. Hỗ trợ truy xuất dữ liệu
3. Cung cấp giao diện để ai cũng có thể xem nội dung của các bảng dữ liệu một cách dễ dàng
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2: Phần mềm hỗ trợ làm việc với CSDL cần có  các chức năng cập nhật dữ liệu và kiểm tra tính đúng đắn của dữ liệu, hỗ trợ truy xuất dữ liệu và cung cấp giao diện đơn giản để?

1. Người dùng dễ dàng truy xuất dữ liệu
2. Người dùng dễ dàng tra tìm dữ liệu
3. Người dùng có thể xem nội dung của các bảng dữ liệu một cách dễ dàng
4. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 3: Những khó khăn trong việc khai thác CSDL nếu không có hệ QTCSDL là?

1. Khó khăn trong việc lưu trữ dữ liệu
2. Không có tính năng bảo mật
3. ĐKhông có tính năng quản lý
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 4: Khó khăn trong việc lưu trữ dữ liệu xảy ra khi?

1. Hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu sẽ không có tính năng quản lý dữ liệu
2. Các hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu có thể không có tính năng bảo mật
3. Một hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu sẽ phải tổ chức và lưu trữ dữ liệu một cách thủ công
4. Người dùng phải thực hiện các hoạt động lọc, sắp xếp và phân tích dữ liệu một cách thủ công

Câu 5: Khó khăn trong việc không có tính năng bảo mật xảy ra khi?

1. Hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu sẽ không có tính năng quản lý dữ liệu
2. Các hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu có thể không có tính năng bảo mật
3. Một hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu sẽ phải tổ chức và lưu trữ dữ liệu một cách thủ công
4. Người dùng phải thực hiện các hoạt động lọc, sắp xếp và phân tích dữ liệu một cách thủ công

Câu 6: Khó khăn trong việc không có tính năng quản lý xảy ra khi?

1. Hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu sẽ không có tính năng quản lý dữ liệu
2. Các hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu có thể không có tính năng bảo mật
3. Một hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu sẽ phải tổ chức và lưu trữ dữ liệu một cách thủ công
4. Người dùng phải thực hiện các hoạt động lọc, sắp xếp và phân tích dữ liệu một cách thủ công

Câu 7: Khó khăn trong việc không thể đồng bộ hóa dữ liệu xảy ra khi?

1. Hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu sẽ không có tính năng quản lý dữ liệu
2. Các hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu có thể không có tính năng bảo mật
3. Một hệ thống lưu trữ dữ liệu không có hệ quản trị cơ sở dữ liệu sẽ phải tổ chức và lưu trữ dữ liệu một cách thủ công
4. Không có tính năng đồng bộ hóa dữ liệu tự động như trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu

Câu 8: Hệ quả của việc không thể đồng bộ hóa dữ liệu là?

1. Việc truy xuất dữ liệu trở nên phức tạp và khó khăn hơn
2. Việc quản lý dữ liệu trở nên khó khăn và không hiệu quả
3. Việc dữ liệu không được bảo vệ và có thể bị đánh cắp hoặc thay đổi bởi các kẻ tấn công
4. Việc đồng bộ hóa dữ liệu giữa các ứng dụng khác nhau trở nên khó khăn và phức tạp hơn

Câu 9: Hệ quả của khó khăn trong việc lưu trữ dữ liệu là?

1. Việc truy xuất dữ liệu trở nên phức tạp và khó khăn hơn
2. Việc quản lý dữ liệu trở nên khó khăn và không hiệu quả
3. Việc dữ liệu không được bảo vệ và có thể bị đánh cắp hoặc thay đổi bởi các kẻ tấn công
4. Việc lưu trữ dữ liệu không hiệu quả và khó khăn trong việc quản lý và truy xuất dữ liệu

Câu 10: Hệ quả của việc khôngcó tính năng bảo mật là?

1. Việc truy xuất dữ liệu trở nên phức tạp và khó khăn hơn
2. Việc quản lý dữ liệu trở nên khó khăn và không hiệu quả
3. Việc dữ liệu không được bảo vệ và có thể bị đánh cắp hoặc thay đổi bởi các kẻ tấn công
4. Việc đồng bộ hóa dữ liệu giữa các ứng dụng khác nhau trở nên khó khăn và phức tạp hơn

Câu 11: Hệ quả của việc không có tính năng quản lý là?

1. Việc truy xuất dữ liệu trở nên phức tạp và khó khăn hơn
2. Việc quản lý dữ liệu trở nên khó khăn và không hiệu quả
3. Việc dữ liệu không được bảo vệ và có thể bị đánh cắp hoặc thay đổi bởi các kẻ tấn công
4. Việc đồng bộ hóa dữ liệu giữa các ứng dụng khác nhau trở nên khó khăn và phức tạp hơn

Câu 12: Hệ quả của khó khăn trong việc truy xuất dữ liệu là?

1. Việc truy xuất dữ liệu trở nên phức tạp và khó khăn hơn
2. Việc quản lý dữ liệu trở nên khó khăn và không hiệu quả
3. Việc dữ liệu không được bảo vệ và có thể bị đánh cắp hoặc thay đổi bởi các kẻ tấn công
4. Việc đồng bộ hóa dữ liệu giữa các ứng dụng khác nhau trở nên khó khăn và phức tạp hơn

Câu 13: Để khai thác dữ liệu hiệu quả cần?

1. Sử dụng một hệ quản trị cơ sở dữ liệu đáng tin cậy để giải quyết các khó khăn và đảm bảo tính hiệu quả và bảo mật của dữ liệu
2. Sử dụng một hệ quản trị cơ sở dữ liệu đa năng
3. Sử dụng một hệ quản trị cơ sở dữ liệu mới mẻ để giải quyết các khó khăn và đảm bảo tính hiệu quả và bảo mật của dữ liệu
4. Đáp án khác

Câu 14: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu có chức năng?

1. Định nghĩa dữ liệu
2. Bảo mật, an toàn CSDL
3. Cập nhật và truy xuất dữ liệu
4. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 15: Nhóm chức năng định nghĩa dữ liệu gồm?

1. Khai báo CSDL với tên gọi xác định
2. Tạo lập, sửa đối kiến trúc bên trong mỗi CSD
3. Nhiều hệ QTCSDL cho phép cài đặt các ràng buộc toàn vẹn dữ liệu để có thể kiểm soát tính đúng đắn của dữ liệu
4. Cả ba đáp án trên đều đúng